

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 1: 这本小说我已经从头到尾看了好几_____。

- A. 趟 B. 篇 C. 遍 D. 张

Câu 2: 你连这个汉字_____不会写?

- A. 正 B. 只 C. 太 D. 都

Câu 3: 这个消息是_____我一个朋友传到这里的。

- A. 通过 B. 对于 C. 经过 D. 关于

Câu 4: 咱们俩只能一个去, _____ 你去, _____ 我去。

- A. 或者……或者…… B. 如果……就……
C. 一面……一面…… D. 只有……才……

Câu 5: _____ 比赛还没有结束, _____ 大部分观众已经开始离开看台。

- A. 与其……不如…… B. 尽管……可是……
C. 因为……所以…… D. 既然……那么……

Câu 6: 人大代表的提案必须经过_____以后, 才能决定是否通过。

- A. 商量 B. 讨论 C. 议论 D. 解释

Câu 7: 你们看, 农民们都在_____地干活, 难道我能袖手旁观吗?

- A. 忙忙碌 B. 忙忙碌碌 C. 忙碌碌 D. 忙碌忙碌

Câu 8: 万事开头难, 你们应该坚持_____就一定取得成功。

- A. 下去 B. 过去 C. 上去 D. 过来

Câu 9: 开幕典礼上陈经理的一番话_____。

- A. 增强了大家必胜的信心在这次比赛中 B. 增强了在这次比赛中必胜的大家信心
C. 增强了在这次比赛中大家信心的必胜 D. 增强了大家在这次比赛中必胜的信心

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các hội thoại sau.

甲: “美丽”这个词怎么发音?

乙: (10) “_____”吧。

Câu 10:

- A. měilī B. méilī C. mēilī D. měilì

甲: 你 (11) _____ 得这条裙子颜色怎么样?

乙: 很特别, 我 (12) _____ 没有见过这样的颜色。

Câu 11:

- A. 觉 B. 觉 C. 常 D. 赏

Câu 12:

- A. 从来 B. 已经 C. 到底 D. 往往

甲: 周末你常常做什么?

乙: 我 (13) _____ 星期六都回老家。

甲: 这次回家的路程怎么样?

乙: (14) _____, 车上有点儿挤。

Câu 13: A. 每 B. 什么 C. 那 D. 多么

Câu 14: A. 不太小心 B. 不太顺利 C. 很方便 D. 很愉快

甲: 河内的秋天天气很好吧?

乙: 挺好, 很 (15) _____。

甲: 那里的夜市热闹吗?

乙: 我 (16) _____ 来几天, 不太了解这里的情况。

甲: 听说还剑湖风景很美, 你说说听!

乙: “ (17) _____ ”, 我怎么描写也不如你亲眼所见。

Câu 15: A. 冰凉 B. 安静 C. 凉快 D. 干净

Câu 16: A. 再 B. 常 C. 刚 D. 更

Câu 17: A. 百闻不如一见 B. 百说不如一做
 C. 百见不如一试 D. 百动不如一静

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các văn bản sau.

请假条

阮老师:

您好!今天起床后我觉得嗓子疼, 身体不舒服。我马上到 (18) _____ 看病, 医生 (19) _____ 我感冒了, 给我开了一些药并建议我在家 (20) _____ 一天。所以明天 (9月22日) 上午的汉语课我不 (21) _____ 上了。特向您请假, 请您准假。

此致

敬礼!

陈明月

2023年9月21日

Câu 18: A. 工厂 B. 医院 C. 银行 D. 超市

Câu 19: A. 答应 B. 讲话 C. 唱 D. 说

Câu 20: A. 休息 B. 练习 C. 打工 D. 考试

Câu 21: A. 得 B. 会 C. 能 D. 肯